

Số: /VP-TTHC  
V/v niêm yết, công khai thủ tục  
hành chính

Sóc Trăng, ngày tháng 12 năm 2021

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố,  
tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 10/12/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3499/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 3532/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Đến nay, việc nhập và đăng tải công khai, không công khai dữ liệu thủ tục hành chính theo các Quyết định công bố nêu trên vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đã hoàn thành; Văn phòng UBND tỉnh đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị có liên quan và UBND cấp xã truy cập website: <http://dichvucong.gov.vn>, chọn tra cứu TTHC, chọn cơ quan thực hiện UBND tỉnh Sóc Trăng, nhập số hồ sơ thủ tục hành chính, bấm phím tìm kiếm, kết xuất dữ liệu thủ tục hành chính để niêm yết, công khai tại trụ sở cơ quan, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, cụ thể như sau:

#### **Hồ sơ TTHC công khai**

<b>STT</b>	<b>Số hồ sơ TTHC công khai</b>	<b>Tên TTHC công khai</b>	<b>Ghi chú</b>
	(1)	(2)	
1	1.004441.000.00.00.H51	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	TTHC áp dụng tại cấp xã
2	1.004492.000.00.00.H51	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
3	1.004443.000.00.00.H51	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
4	1.004485.000.00.00.H51	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
5	2.001810.000.00.00.H51	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	
6	1.004494.000.00.00.H51	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	TTHC áp dụng tại cấp huyện
7	1.006390.000.00.00.H51	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	

8	1.006444.000.00.00.H51	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	TTHC áp dụng tại cấp huyện
9	1.006445.000.00.00.H51	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
10	1.004515.000.00.00.H51	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	
11	1.004555.000.00.00.H51	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	
12	2.001842.000.00.00.H51	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	
13	1.004552.000.00.00.H51	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
14	1.004563.000.00.00.H51	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	
15	1.001639.000.00.00.H51	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	
16	1.005099.000.00.00.H51	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	
17	1.004442.000.00.00.H51	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	
18	1.004444.000.00.00.H51	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
19	1.004475.000.00.00.H51	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	
20	2.001809.000.00.00.H51	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	
21	2.001818.000.00.00.H51	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	
22	3.000182.000.00.00.H51	Tuyển sinh trung học cơ sở	
23	1.004831.000.00.00.H51	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	
24	2.001904.000.00.00.H51	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	
25	1.005108.000.00.00.H51	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	
26	1.004496.000.00.00.H51	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
27	1.004545.000.00.00.H51	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	
28	2.001839.000.00.00.H51	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	
29	2.001837.000.00.00.H51	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	

30	2.001824.000.00. 00.H51	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	TTHC áp dụng tại cấp huyện
31	1.004439.000.00. 00.H51	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	
32	1.004440.000.00. 00.H51	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	
33	1.005106.000.00. 00.H51	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
34	1.005097.000.00. 00.H51	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	
35	1.008724.000.00. 00.H51	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
36	1.008725.000.00. 00.H51	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
37	1.004438.000.00. 00.H51	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	
38	1.003702.000.00. 00.H51	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	
39	1.001622.000.00. 00.H51	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	
40	1.008950.000.00. 00.H51	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	
41	1.008951.000.00. 00.H51	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	
<b>Tổng số: 41 TTHC.</b>			

Đề nghị quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Nguyễn Trọng Sơn**